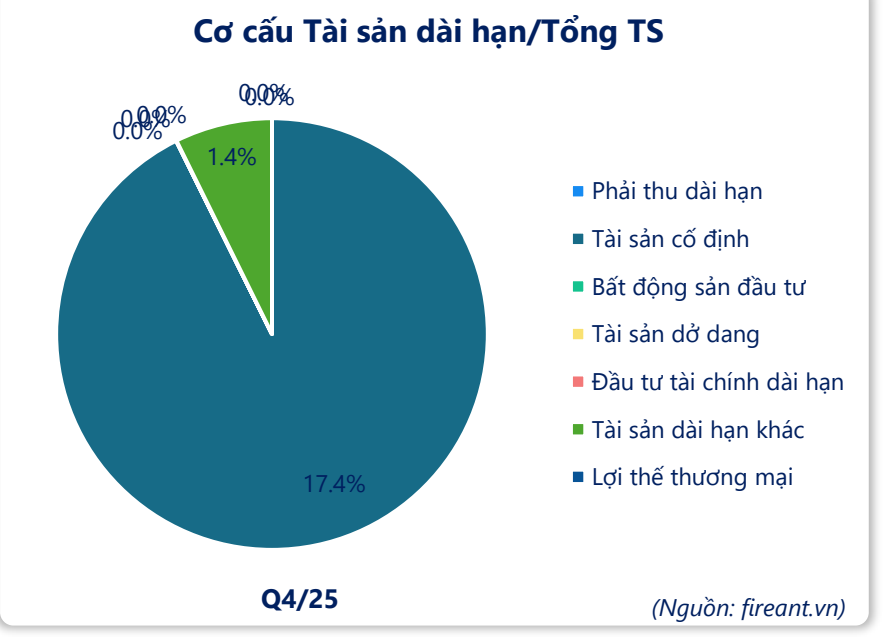
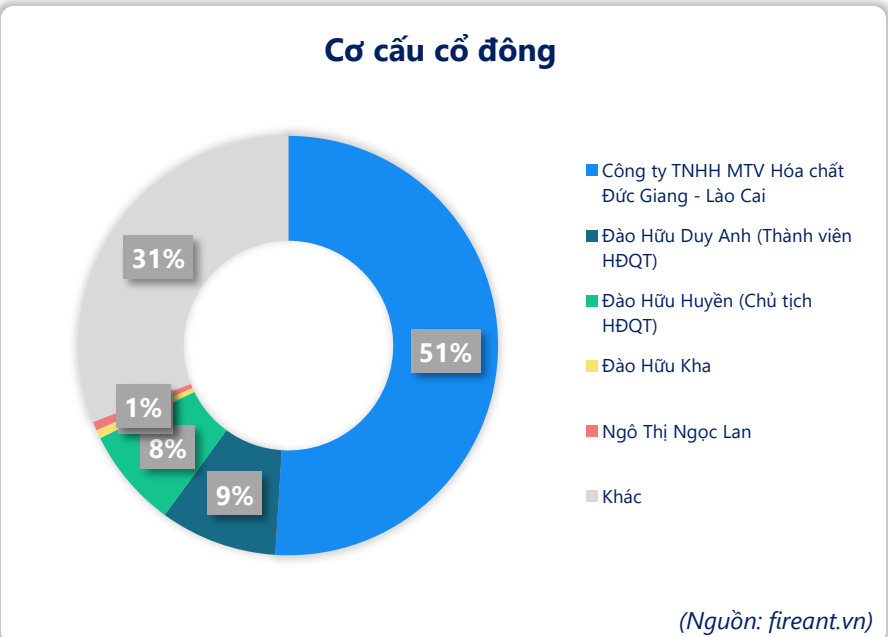
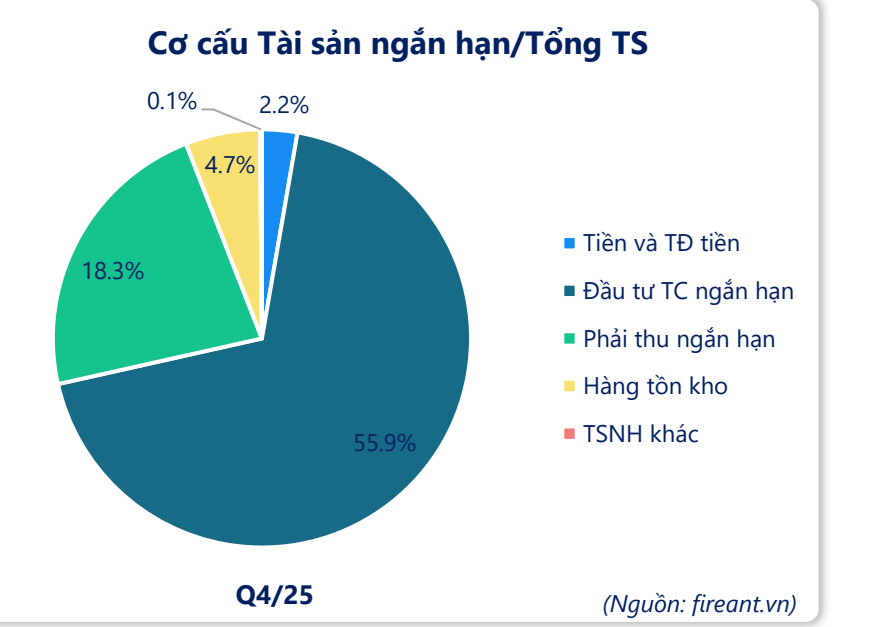
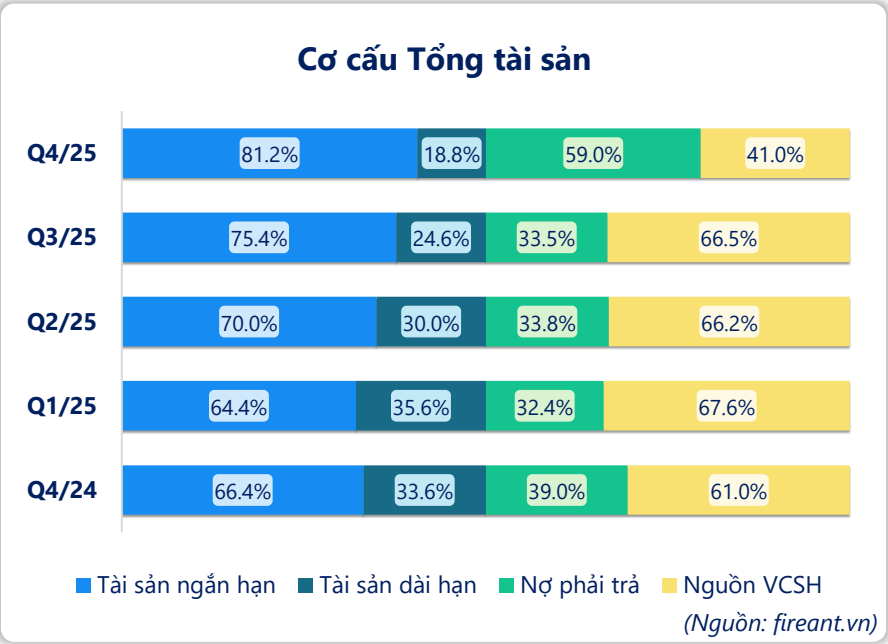
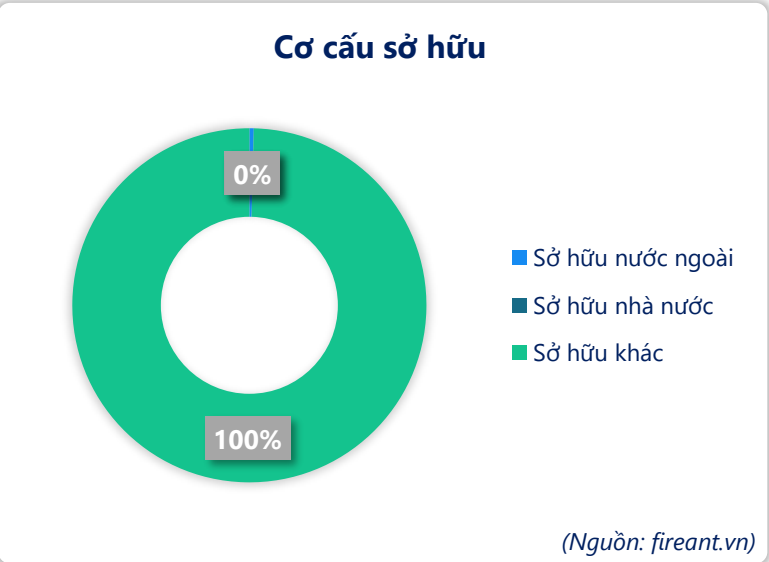
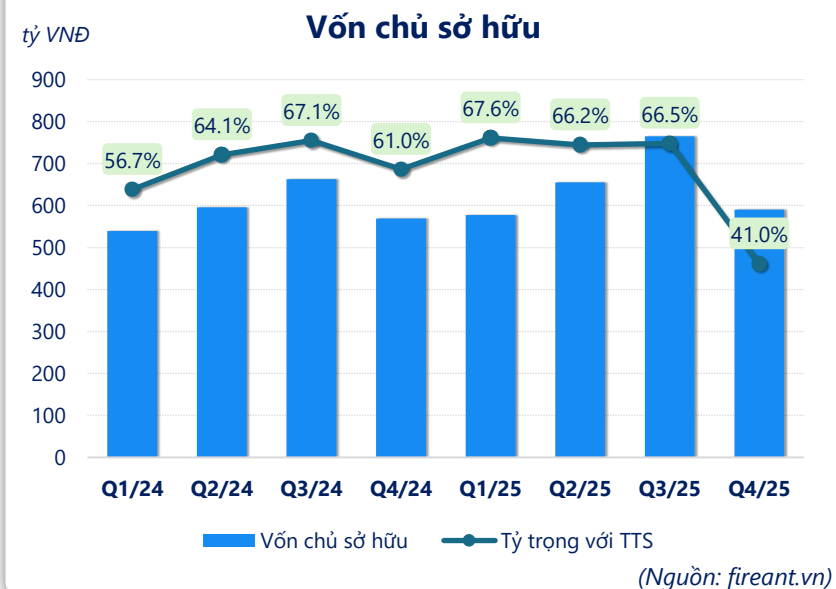
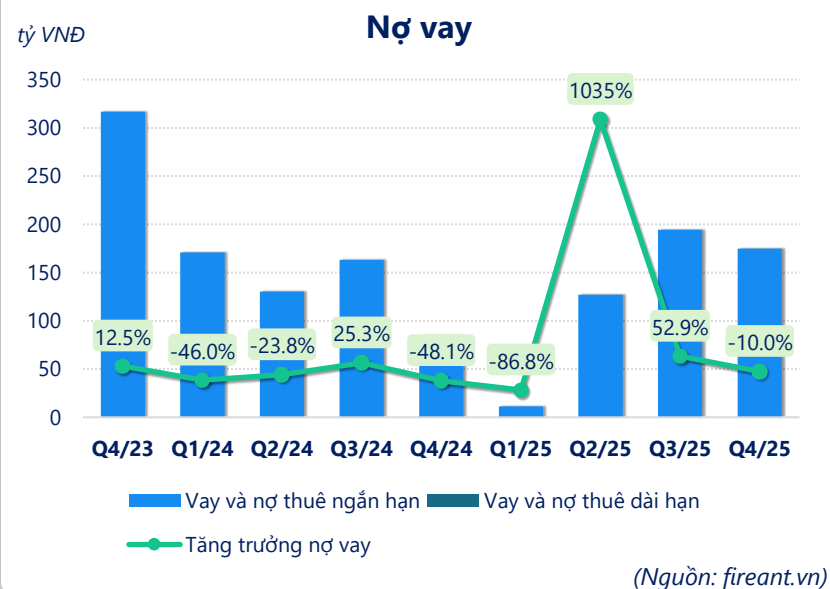
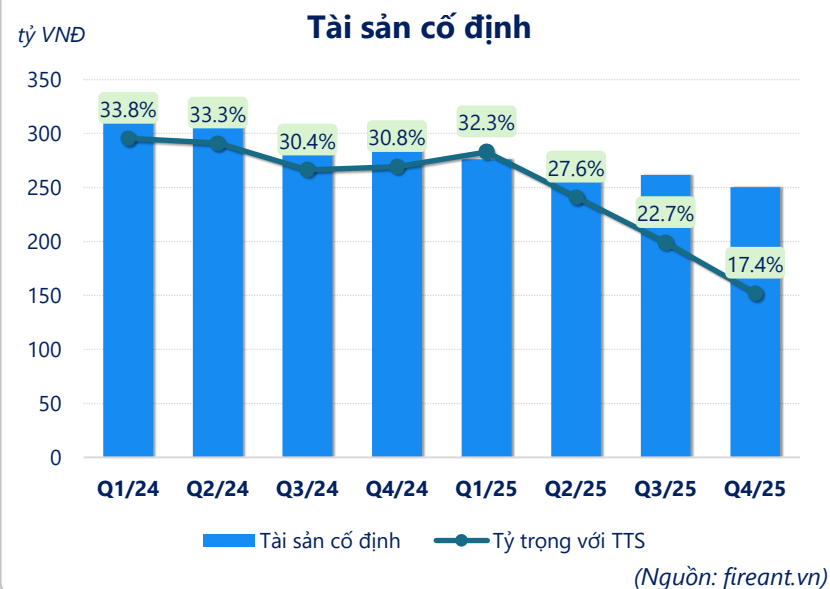
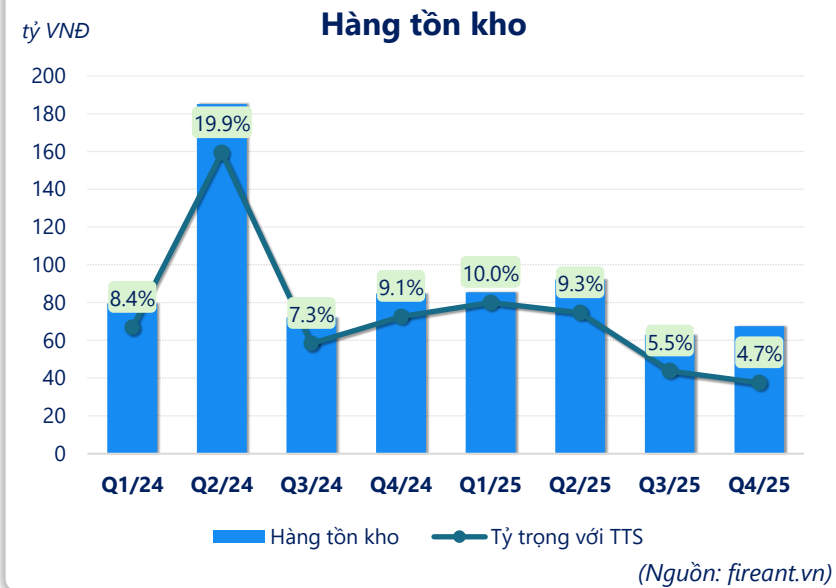
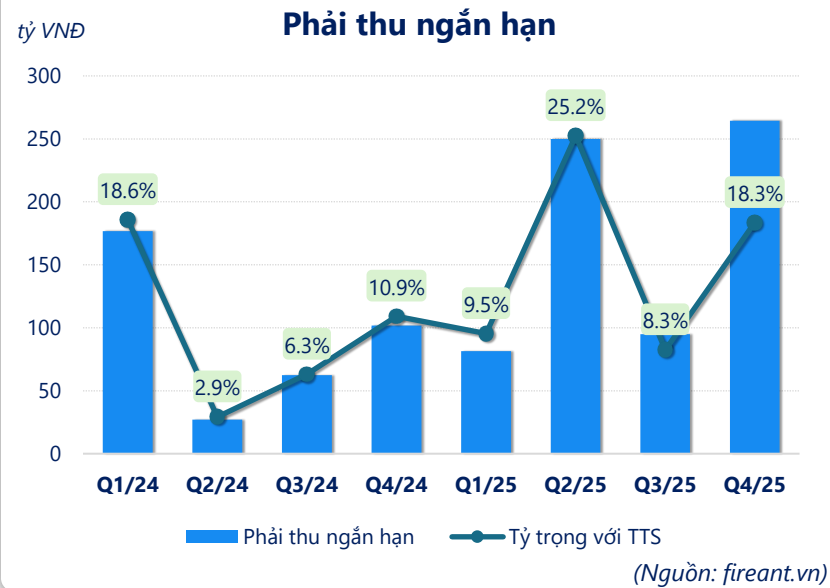
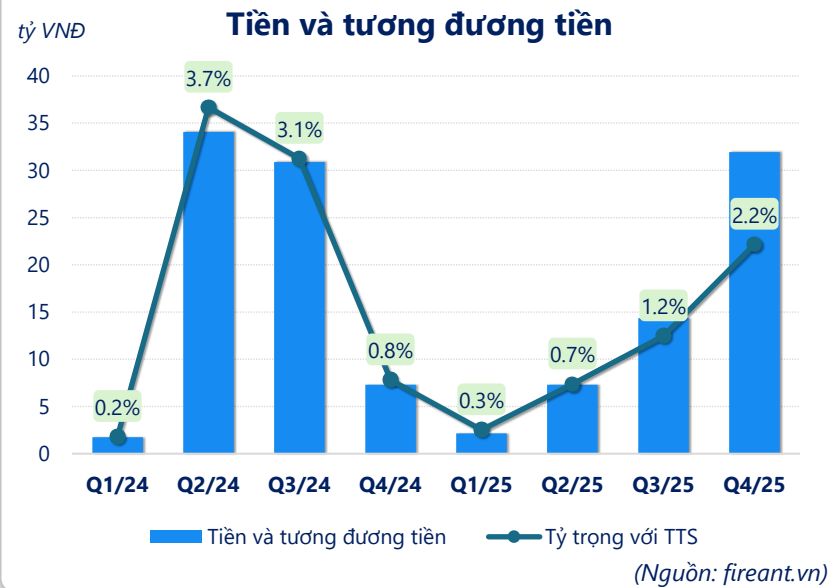
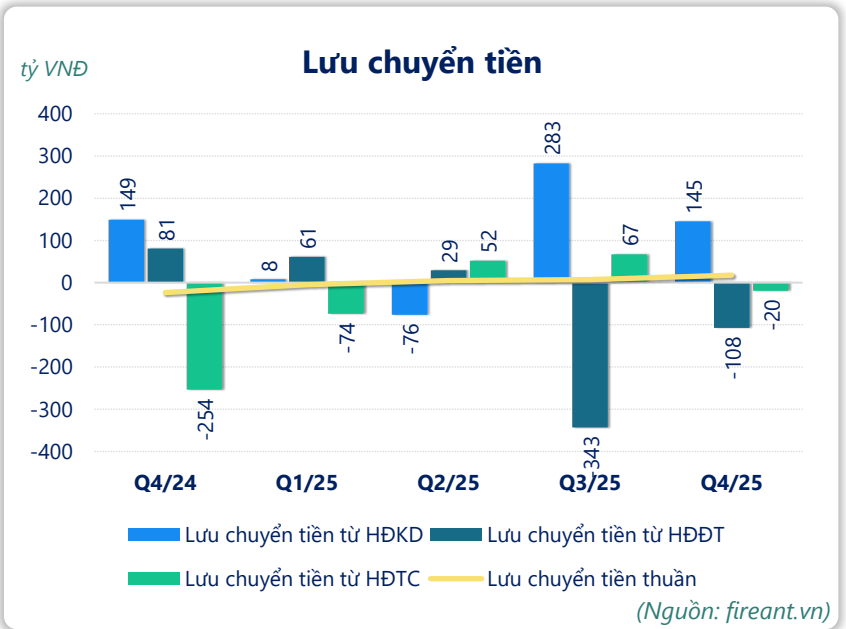
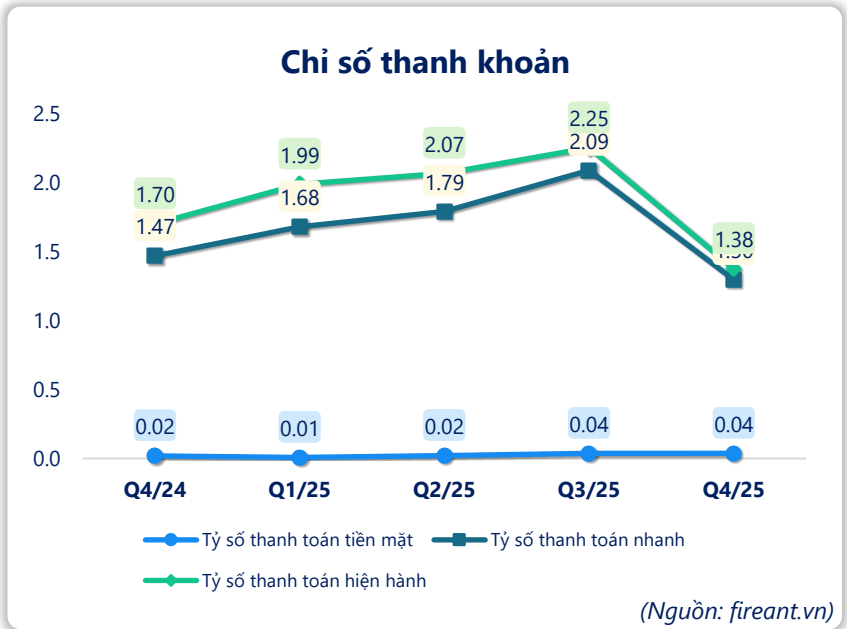
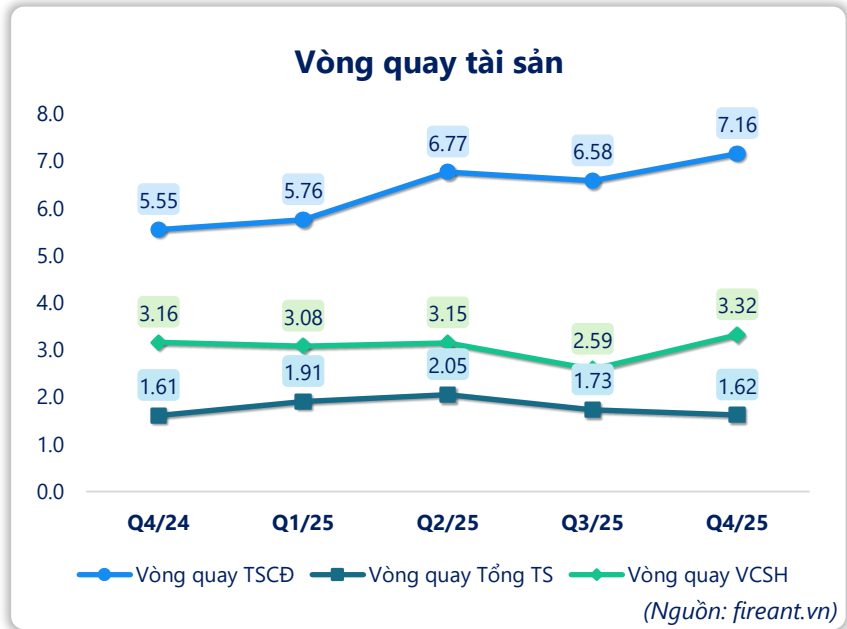
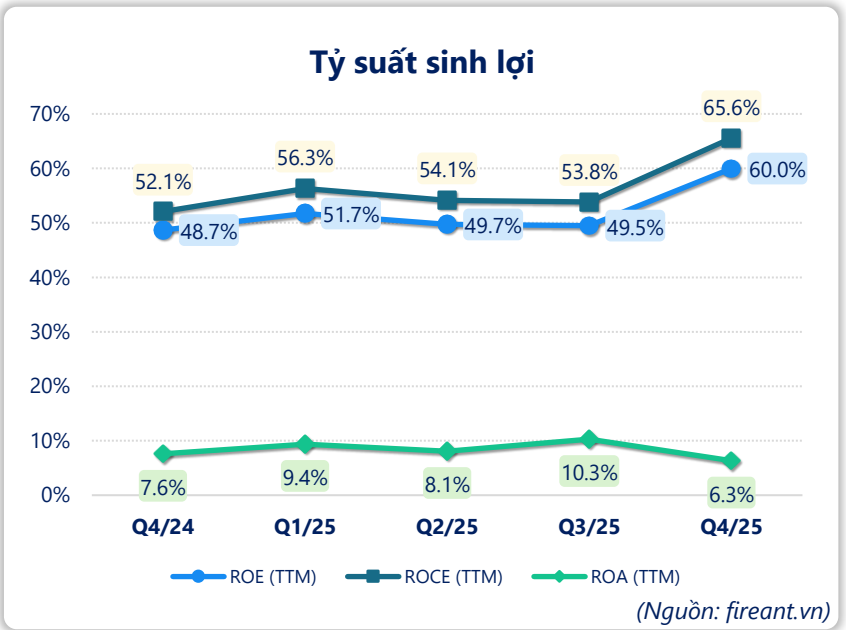
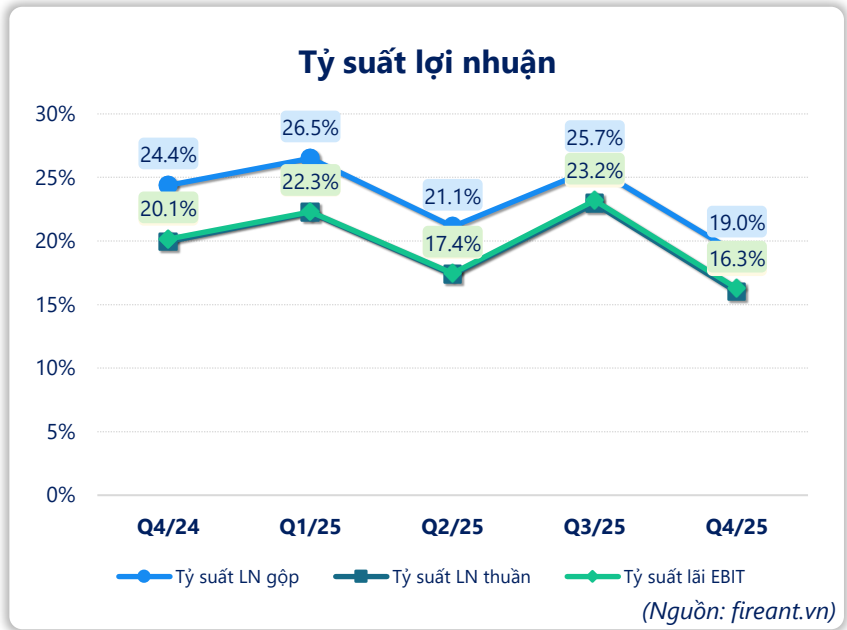
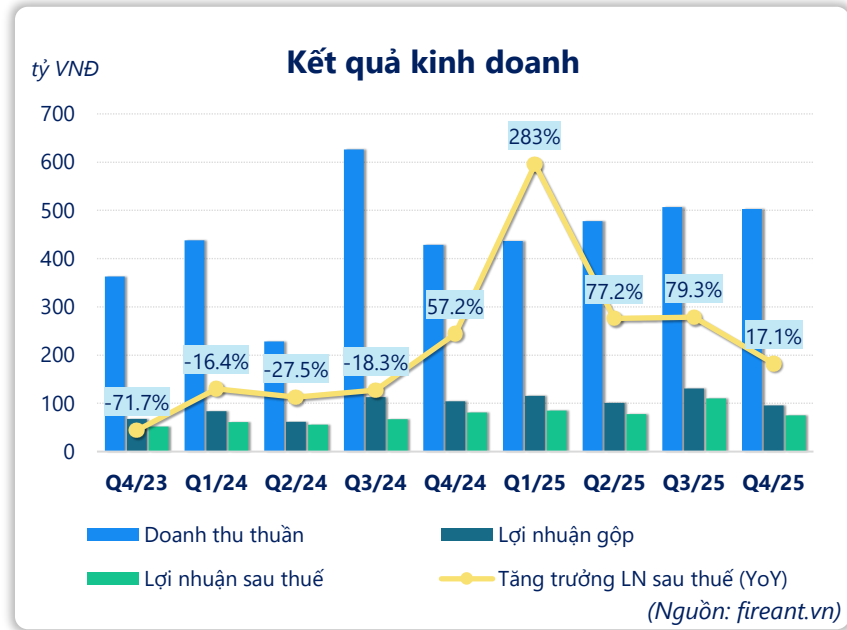


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		80,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		97,705
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		70,500
SL cổ phiếu LH		25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		143,200
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,020
P/E		5.8
EPS		13,900

	YTD	1T	3T	6T
PAT	6.1%	-13.3%	-4.2%	-4.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,440	933	54.4%
Tài sản ngắn hạn	1,170	619	88.9%
Tiền và tương đương tiền	31.9	7.29	338%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	805	424	89.7%
Phải thu ngắn hạn	264	102	159%
Hàng tồn kho	67.6	84.7	-20.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.71	1.48	15.4%
Tài sản dài hạn	270	313	-13.7%
Phải thu dài hạn	0	2.00	-100%
Tài sản cố định	250	287	-12.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.06	2.58	-97.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	19.7	21.4	-7.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	850	364	134%
Nợ ngắn hạn	850	364	134%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	84.8	106%
Phải trả người bán ngắn hạn	340	189	79.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	590	569	3.8%
Vốn chủ sở hữu	590	569	3.8%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	428	436	478	507	503
Giá vốn hàng bán	324	321	377	376	407
Lợi nhuận gộp	104	116	101	130	95.6
Doanh thu HĐTC	12.5	10.1	10.8	13.8	12.8
Chi phí TC	2.80	2.91	3.35	3.33	4.97
Chi phí lãi vay	0.82	0.24	0.48	1.03	1.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	24.4	20.9	21.7	20.6	19.0
Chi phí QLDN	4.30	4.88	3.84	4.13	4.15
LN thuần từ HĐKD	85.4	97.1	82.9	116	80.3
Lợi nhuận khác	0	0	0	0.19	0.00
LN trước thuế	85.4	97.1	82.9	116	80.3
Lợi nhuận sau thuế	81.0	84.7	77.6	110	75.2
LNST của CĐ cty mẹ	81.0	84.7	77.6	110	75.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	149	7.84	-76.1	283	145
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	80.9	60.7	29.1	-343	-108
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-254	-73.6	52.2	67.2	-19.6
Tiền đầu kỳ	30.9	7.29	2.15	7.30	14.3
Lưu chuyển tiền thuần	-23.6	-5.13	5.15	7.04	17.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	7.29	2.15	7.30	14.3	31.9

(Nguồn: fireant.vn)